

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH MIỆN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 24/01/2022

V/v Ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đức Chính*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vương Quốc Quỳ

2. Bà Nguyễn Thị Hoài

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mừng - Thư ký Tòa án.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diên - Kiểm sát viên*

Ngày 24/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2021/TLST-HNGĐ ngày 15/11/2021 về việc Ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/01/2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB-TA ngày 11/01/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **An Thiên T**, sinh năm 1973; nơi ĐKTT: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; địa chỉ: Khu II, thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1976; nơi ĐKTT: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn Anh An Thiên T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với Chị Nguyễn Thị C trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/01/1995. Sau ngày cưới, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng trong việc phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái... dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Mặc dù, được gia đình khuyên bảo và vợ chồng cũng tìm biện pháp nhưng mâu thuẫn không được giải quyết và tình trạng hôn nhân không được cải thiện. Từ năm 2014 đến nay, anh chị ly thân hoàn toàn không còn quan tâm, gặp gỡ nhau. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài và không thể tồn tại quan hệ hôn nhân, nên anh khởi kiện xin ly hôn Chị Nguyễn Thị C.

Về con chung: Anh với Chị Nguyễn Thị C có hai con chung là An Ngọc H, sinh ngày 04/11/1995 đã thành niên và An N, sinh ngày 01/11/2005 hiện do chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi con An N và tự nguyện không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị C có nguyện vọng nuôi con thì anh cũng đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/ tháng, kể từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản, nợ chung, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Chị Nguyễn Thị C đã được tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng theo quy định. Tòa án đã thu thập được lời khai của chị C nhưng chị không đến làm việc theo giấy triệu tập. Do đó, Tòa án không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại lời khai, Chị Nguyễn Thị C xác định điều kiện kết hôn của chị và Anh An Thiên T đúng như anh T đã trình bày. Về tình trạng hôn nhân, chị xác định giữa anh chị có mâu thuẫn không thể hàn gắn, từ năm 2017 đến nay anh chị ly thân hoàn toàn, không quan tâm gặp gỡ nhau. Tuy nhiên, chị không đồng ý ly hôn vì muốn các con có đầy đủ bố mẹ và không muốn vì việc anh chị ly hôn ảnh hưởng đến quan hệ với gia đình thông gia của anh chị. Trường hợp anh T vẫn xin ly hôn, chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh chị có hai con chung là An Ngọc H, sinh ngày 04/11/1995 đã thành niên, có gia đình riêng và An N, sinh ngày 01/11/2005 (do chị trực tiếp nuôi dưỡng). Nếu anh chị ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con An N và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/ tháng, kể từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tài liệu xác minh tại địa phương và lời khai của người làm chứng cho thấy: Anh An Thiên T và Chị Nguyễn Thị C có đăng ký kết hôn và được gia đình tổ chức lễ cưới. Quá trình chung sống, anh chị có mâu thuẫn kéo dài và hiện sống ly thân. Nay anh T xin ly hôn chị C, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Nguyên, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và đều đã có đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và mở phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 205 Bộ luật dân sự; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho An Thiên Trang được ly hôn Chị Nguyễn Thị C. Về con chung: Giao cho Chị Nguyễn Thị C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung An N, sinh ngày 02/11/2005; anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị C 2.000.000 đồng/ tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Đối với con An Ngọc H, sinh ngày 04/12/1995 đã trưởng thành nên không phải giải quyết. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về án phí: Anh An Thiên T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định, được đối trừ vào

tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0004038 ngày 15/11/2021 anh đã nộp. Anh T còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh An Thiên T khởi kiện tranh chấp về ly hôn, là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn - Chị Nguyễn Thị C có địa chỉ tại xã T, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa Anh An Thiên T và Chị Nguyễn Thị C được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/01/1995 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương là hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân của anh chị hạnh phúc được khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng không tin tưởng nhau trong việc sử dụng vốn để phát triển kinh tế gia đình, dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Mặc dù, được gia đình khuyên bảo và vợ chồng cũng tìm biện pháp nhưng mâu thuẫn không được giải quyết và tình trạng hôn nhân không được cải thiện. Từ năm 2014 đến nay, anh chị ly thân hoàn toàn không còn quan tâm, gặp gỡ nhau. Lời khai của anh T phù hợp với lời khai của chị C, của người làm chứng và tài liệu thu thập từ chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú. Chị C không đồng ý ly hôn với lý do không xuất phát từ quan hệ hôn nhân giữa anh chị và việc chị chấp nhận sống ly thân hoàn toàn với anh T trong nhiều năm, cho thấy anh chị để mặc tình trạng hôn nhân của mình mà không muốn cải thiện. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị C mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Hội đồng xét xử có căn cứ để xử cho Anh An Thiên T ly hôn Chị Nguyễn Thị C.

[3] Về con chung: Anh An Thiên T với Chị Nguyễn Thị C có hai con chung là An Ngọc H, sinh ngày 04/11/1995 đã thành niên, có gia đình riêng và An N, sinh ngày 01/11/2005. Anh chị đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi con An N. Hội đồng xét xử thấy cần giao con chưa thành niên cho chị C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp điều kiện của chị C, nguyện vọng của con chung và chấp nhận yêu cầu của chị C đối với anh T về mức cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/ tháng.

[4] Về án phí: Anh An Thiên T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều

273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Anh An Thiên T ly hôn Chị Nguyễn Thị C.

2. Về nuôi con: Giao con An N, sinh ngày 01/11/2005 cho Chị Nguyễn Thị C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Anh An Thiên T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với chị C, số tiền 2.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 02/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng mỗi tháng một lần. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ thời điểm Anh An Thiên T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng và chị C có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng, nếu anh T chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Anh An Thiên T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0004038 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Anh T còn phải nộp 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thanh Miện;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Đức Chính**